

Số: 06 /2014/QĐ - UBND

*Nghi Xuân, ngày 12 tháng 9 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn  
gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2014, 2015**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH 11 ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của liên Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 63/2014/NQ - HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua Đề án một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2014, 2015;

Xét đề nghị của Trưởng các phòng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch – Tài chính và các phòng, ban, ngành có liên quan,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2014, 2015.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định 02/2013/QĐ-UBND về việc ban hành hành quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2012 -2015;

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng các phòng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch – Tài chính; Chánh văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

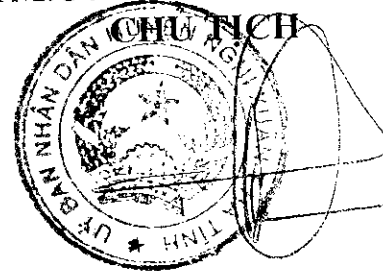
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tư pháp;
- TT Công báo Hà Tĩnh;
- TT Huyện ủy, TTHĐND huyện;
- L.đạo UBND huyện; TT UBMTTQ huyện;
- Các Ban, Phòng Huyện ủy, UBND huyện;
- Các ban, ngành, đơn vị liên quan;
- Đài TT-TH huyện;
- Các PVP/UBND huyện;
- Lưu: VT/UBND.

**Gửi:**

- + Văn bản giấy: UBND tỉnh, Sở NN&PTNT,  
Sở Tư pháp, TT Huyện ủy;
- + Văn bản điện tử: Các thành phần còn lại.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**



**Đặng Văn Tính**

## QUY ĐỊNH

### Một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới năm 2014, 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày  
Nghi Xuân)

của UBND huyện

## Chương 1.

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc và thời gian thực hiện**

**1. Đối tượng áp dụng:** Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (gọi chung là người sản xuất, đơn vị thực hiện) trên địa bàn huyện.

**2. Phạm vi điều chỉnh:** Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện Nghi Xuân.

**3. Nguyên tắc hỗ trợ**

- Các nội dung quy định tại chính sách này ngoài được hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị quyết hội đồng nhân dân tỉnh số 90/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng áp dụng chỉ được hưởng mức cao nhất của một trong các chính sách hiện hành. Riêng kênh mương cứng ngoài các chính sách được hưởng, được hỗ trợ thêm nhưng tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp nhỏ hơn hoặc bằng 50% kinh phí (theo Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh);

- Chính sách được hỗ trợ một lần;

- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng đối tượng, mục đích, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

**4. Thời gian thực hiện**

Các nội dung, công việc được quy định hỗ trợ của Quyết định này được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai đồng thời hoàn thành đưa vào khai thác trong thời gian từ ngày 01/01/2014 đến trước ngày 31/12/2015.

**Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện**



Bố trí lồng ghép các nguồn vốn như nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế, nguồn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới hàng năm, nguồn tăng thu ngân sách, các chương trình, dự án, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác đảm bảo cho việc thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn. Phân chia các cấp ngân sách đảm bảo như sau:

1. Ngân sách huyện đảm bảo 80% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn.

2. Ngân sách xã, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã) đảm bảo mức 20% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm.

### **Điều 3. Giải thích một số từ ngữ và yêu cầu kỹ thuật**

- “VietGAP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam.

- “VietGAHP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho chăn nuôi lợn, gà, bò sữa an toàn tại Việt Nam.

- “Bò cái sinh sản” là bò cái lai (nội - ngoại), được sinh ra từ mẹ là giống bò vàng Việt Nam và bố là giống bò nhóm Zêbu (100% máu Zêbu).

- Nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến: là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi thường nhỏ hơn 01m; mật độ thả thưa dưới 20 con/m<sup>2</sup> đối với tôm sú, dưới 60 con/m<sup>2</sup> đối với tôm thẻ chân trắng.

- Nuôi tôm thâm canh: là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi từ 1,5 đến 2m; mật độ thả nuôi thường trên 20 con/m<sup>2</sup> đối với tôm sú, trên 60 con/m<sup>2</sup> đối với tôm thẻ chân trắng; có sử dụng sục khí hay quạt nước, thay nước chủ động, quản lý chăm sóc nghiêm ngặt.

- Giống lợn: Lợn nái ngoại cấp bố là lợn nái sinh sản có 100% máu lợn ngoại (như Landrace, Yorkshire...) và các tổ hợp lai ngoại khác. Lợn thịt phải là các giống lợn lai, lợn ngoại hướng nạc. Các hộ tự sản xuất con giống, liên kết với doanh nghiệp, đơn vị cung ứng con giống phải được kiểm định chất lượng giống.

- Chuồng trại chăn nuôi: Phải áp dụng các kiểu chuồng có khả năng chống nóng, chống rét, chống ẩm, chống bão, lũ, đảm bảo với tiêu chuẩn của ngành, cụ thể:

+ Chuồng trại nuôi bò: Diện tích xây dựng từ 3 – 4 m<sup>2</sup>/con,

+ Chuồng nuôi lợn: Diện tích xây dựng phải đảm bảo 1,5 m<sup>2</sup>/con,

+ Chuồng nuôi gà: Diện tích từ 8 – 10 con/m<sup>2</sup>.

Ngoài ra phải đảm bảo kỹ thuật theo quy định của đơn vị liên kết tổ chức sản xuất kinh doanh, có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Đối với sản xuất quy mô trang trại phải được xây dựng trong các vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải được xử lý môi trường theo quy định và cách xa khu dân cư tối thiểu 700 m. Đối với chăn nuôi gia trại, hộ gia đình xây dựng mới, nâng cấp chuồng trại, đảm bảo vệ sinh môi trường (có bể biogas, xử lý sinh học...).

- Đối với kiên cố hoá kênh mương cứng, có tổng chiều dài xây mới từ 1 km trở lên, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật gồm: Khẩu diện từ 40x40, 40x50 cm, 50x50 cm, 50x60 cm, tường kênh và đáy kênh dày 12 cm; đối với kênh có khẩu diện từ 60x60 cm trở lên, tường và đáy kênh dày 15 cm, cứ 10m bố trí 05 giằng kênh, kết cấu bê tông cốt thép M200. Riêng đối với kênh xây gạch khẩu diện từ 40x40 trở lên bố trí giằng dọc và ngang bằng bê tông cốt thép M200.

## **Chương 2**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Hỗ trợ trồng trọt**

##### **1. Rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao**

Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao trên vùng đất cát ven biển theo quy hoạch, vùng bãi bồi, quy mô tối thiểu 03 ha/vùng trở lên (danh mục rau, củ, quả được cơ cấu theo Đề án sản xuất hàng vụ do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành), được hỗ trợ:

1.1. Hỗ trợ một phần kinh phí tuyên truyền vận động người dân tham gia; tổ chức tập huấn, chuyên gia, tham quan học hỏi ứng dụng quy trình, công nghệ sản xuất rau, củ, quả cho cán bộ kỹ thuật và người trực tiếp sản xuất, tối đa 30 triệu đồng/năm.

1.2. Hỗ trợ một phần kinh phí san lấp, làm phẳng mặt bằng và hệ thống tưới phục vụ sản xuất triển khai lần đầu, hỗ trợ đối với HTX, THT (tổ chức cho người dân có đất trực tiếp sản xuất thông qua HTX, THT liên kết với doanh nghiệp) với định mức hỗ trợ 10 triệu đồng/ha.

##### **2. Hỗ trợ triển khai sản xuất theo VietGAP**

Đối với các vùng sản xuất rau, hoa tối thiểu 01ha theo quy hoạch, sản xuất theo quy trình VietGAP được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, đầu tư xây dựng nhà lưới, hệ thống điện, tưới đạt tiêu chuẩn vùng sản xuất công nghệ cao, định mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/ha.

##### **3. Lạc**

3.1. Hỗ trợ 30% giá lạc giống cao sản (Bộ giống theo quy định của UBND tỉnh và Sở NN&PTNT) cho các vùng sản xuất lạc giống nằm trong vùng quy hoạch được huyện phê duyệt với quy mô tập trung tối thiểu 10 ha (chỉ hỗ trợ 1 lần).

3.2. Các tổ chức, cá nhân có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lạc với hộ nông dân thông qua HTX, THT sản xuất (có biên bản giao nhận giống được UBND cấp xã nơi sản xuất xác nhận), với tổng diện tích tối thiểu 30 ha/vùng/năm hoặc lượng thu mua tối thiểu 90 tấn/năm, được hỗ trợ 20% kinh phí mua giống để xây dựng vùng nguyên liệu. Kinh phí hỗ trợ được chuyển trực tiếp cho đơn vị liên kết cung ứng giống và bao tiêu sản phẩm.

##### **4. Hỗ trợ xây dựng cánh đồng mẫu lớn**

Hỗ trợ 30% giá lúa giống nguyên chủng phục vụ xây dựng “cánh đồng mẫu lớn” đạt các tiêu chuẩn sản xuất của Sở Nông nghiệp & PTNT quy định, nằm trong vùng quy hoạch với quy mô sản xuất tập trung tối thiểu 50 ha (chỉ hỗ trợ 1 lần).

## **5. Năm**

5.1. Hỗ trợ kinh phí mua giống năm: Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất tối thiểu đạt 2.000 bịch năm/lúa hoặc 100m<sup>2</sup>, mức hỗ trợ 2.000 đồng/bịch (đối với giống năm đóng bịch).

5.2. Hỗ trợ kinh phí làm lán trại sản xuất năm: Đối với hộ gia đình sản xuất năm có quy mô 100m<sup>2</sup> lán trại tập trung trở lên được hỗ trợ một lần với mức 10.000 đồng/01m<sup>2</sup> diện tích lán trại cố định, tối đa 05 triệu đồng/hộ.

5.3. Hỗ trợ kinh phí mua máy móc thiết bị chế biến năm: Các tổ chức, cá nhân đầu tư mua máy móc, thiết bị để chế biến năm có công suất chế biến từ 20 tấn đến dưới 50 tấn năm tươi/năm, được hỗ trợ một lần bằng 20% chi phí mua máy móc thiết bị, tối đa 10 triệu đồng/cơ sở.

## **6. Chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả**

Các tổ chức, cá nhân chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây trồng khác (ngô, đậu, rau) có hiệu quả kinh tế cao hơn, với quy mô vùng từ 01 ha liền kề trở lên, được hỗ trợ một lần cho vụ sản xuất đầu tiên, hỗ trợ 40% kinh phí mua giống.

### **Điều 5. Hỗ trợ chăn nuôi**

#### **1. Lợn**

1.1. Cơ sở chăn nuôi lợn giống ngoại sinh sản cấp bố mẹ, có quy mô tập trung từ 300 nái trở lên (trong vùng quy hoạch được UBND huyện phê duyệt); hỗ trợ sau khi dự án đã hoàn thành và đưa vào hoạt động:

a) Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng hạ tầng về chuồng trại, hệ thống nước, xử lý chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường, mức hỗ trợ 500.000 đồng/nái bố mẹ, nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở, đối với cơ sở cung ứng giống thương phẩm cho liên kết chăn nuôi quy mô nhỏ, vừa; cơ sở phải đảm bảo tối thiểu 50% tổng sản lượng lợn con chất lượng cao cung ứng giống thương phẩm cho liên kết chăn nuôi vừa và nhỏ trên địa bàn huyện Nghi Xuân.

b) Hỗ trợ 30.000 đồng/nái/năm để mua các loại vắc xin, thuốc phòng chữa bệnh và hóa chất tiêu độc khử trùng, mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/cơ sở.

#### **2.2. Chăn nuôi lợn thương phẩm.**

Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nuôi lợn thương phẩm theo hình thức liên kết (phải đảm bảo bao tiêu sản phẩm) để xây dựng chuồng trại, mua con giống, chỉ hỗ trợ một lần khi dự án đi vào hoạt động, với các mức hỗ trợ như sau:

a) Quy mô từ 10 con/lứa trở lên, mức hỗ trợ 3 triệu đồng/hộ, cơ sở (chỉ áp dụng cho đối tượng hộ nghèo năm 2014, 2015);

b) Quy mô từ 20 con/lứa trở lên, mức hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ, cơ sở;

c) Quy mô từ 50 con/lứa trở lên, mức hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ, cơ sở;

- d) Quy mô từ 300 con/lứa trở lên, mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ, cơ sở;
- e) Quy mô từ 500 con/lứa trở lên, mức hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ, cơ sở.

## **2. Bò**

### **2.1. Chăn nuôi bò cái sinh sản:**

- a) Quy mô nuôi từ 5 con cái trở lên (ít nhất có 04 con bò cái sinh sản và 01 con bê hậu bị), mức hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ, cơ sở.
- b) Quy mô nuôi từ 10 con cái trở lên (ít nhất có 8 con bò cái sinh sản và 02 con bê hậu bị), mức hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ, cơ sở.

### **2.2. Sản xuất bò lai Zebu hướng thịt, bò chất lượng cao:**

- a) Quy mô nuôi từ 10 con bò lai Zebu trở lên (không phân biệt đực cái), mức hỗ trợ 08 triệu đồng/hộ, cơ sở.
- b) Quy mô nuôi từ 5 con bò cao chất lượng trở lên (bò Charolaise, 3B) (không phân biệt đực cái), mức hỗ trợ 08 triệu đồng/hộ, cơ sở.

## **3. Gà**

### **3.1. Chăn nuôi gà giống.**

Xây dựng mới cơ sở chăn nuôi gà giống cấp bố mẹ, có quy mô tối thiểu 2.000 con (được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xác định là cơ sở sản xuất gà giống), cung cấp giống cho các hộ chăn nuôi gà thương phẩm trong huyện, được hỗ trợ mua giống bố mẹ, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, với mức 20 triệu đồng/cơ sở.

### **3.2. Chăn nuôi gà thương phẩm.**

Hộ chăn nuôi gà thả vườn đồi, trên đất cát ven biển, quy mô từ 2.000 con đến dưới 5.000 con (sử dụng giống gà địa phương, không tính gà dưới 7 ngày tuổi), được hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ, cơ sở; quy mô 5.000 con trở lên được hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ, cơ sở để xây dựng chuồng trại, xử lý chất thải, mua con giống

3.3. Hộ chăn nuôi gà đảm bảo quy mô nuôi ở mục 3.1, 3.2 và được cấp chứng nhận sản xuất chuẩn VietGAHP, được hỗ trợ thêm 10 triệu đồng/hộ, cơ sở.

## **4. Hỗ trợ xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm**

Hỗ trợ các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, được ưu tiên lồng ghép các dự án đầu tư; và hỗ trợ một phần kinh phí giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng đường giao thông, điện, nước, xử lý môi trường đến hàng rào cơ sở. Định mức hỗ trợ đối với cơ sở có công suất từ 30 con gia súc hoặc 500 con gia cầm trở lên/ngày đêm, tối đa không quá 100 triệu đồng/cơ sở; cơ sở có công suất từ 70 con gia súc hoặc 1.000 con gia cầm trở lên/ngày đêm, tối đa không quá 120 triệu đồng/cơ sở (hỗ trợ khi cơ sở đã đi vào hoạt động).

## **Điều 6. Hỗ trợ Nuôi trồng, đánh bắt và chế biến hải sản.**

### **1. Nuôi trồng thủy sản**

1.1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện triển khai chuyển đổi, tích tụ ruộng đất nông nghiệp (đất giao theo Nghị định 64) của các hộ gia đình, cá nhân chuyên sang nuôi

trồng thủy sản trong vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản mặn lợ (Phổ, Đan, Trường, Hội) để hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung với quy mô 3 ha trở lên, mức hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/ha, Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách huyện mỗi năm không quá 100 triệu đồng.

1.2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng mới ao hồ nuôi tôm thâm canh hoặc nâng cấp từ nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến sang nuôi thâm canh có quy mô từ 01 ha trở lên, được ngân sách hỗ trợ 20% chi phí mua giống, thiết bị (quạt nước, máy bơm), tối đa 10 triệu đồng/cơ sở, hộ.

1.3. Tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản bằng lồng có quy mô thể tích 50m<sup>3</sup> trở lên (thể tích mỗi lồng ít nhất 10m<sup>3</sup>) được hỗ trợ một lần: 10 triệu đồng/tổ chức, cá nhân với nuôi trên sông, đập, hồ lớn; 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân với nuôi trên biển.

## **2. Khai thác thủy sản, hậu cần nghề cá**

2.1. Đóng mới tàu cá; tàu dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản, được ngân sách hỗ trợ:

a) Đối với tàu công suất từ 400CV/chiếc trở lên, được hỗ trợ 150 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 75 triệu đồng.

b) Đối với tàu công suất từ 250CV đến dưới 400CV/chiếc, được hỗ trợ 100 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 50 triệu đồng.

c) Đối với tàu công suất từ 90CV đến dưới 250CV/chiếc, được hỗ trợ 60 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 30 triệu đồng.

2.2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua tàu cũ từ các tỉnh khác về sản xuất trên địa bàn (tàu còn giá trị sử dụng trên 70%, niên hạn sử dụng còn lại trên 10 năm) có công suất từ 250CV trở lên được hỗ trợ 60 triệu đồng/tàu, thời gian hỗ trợ 2 năm, mỗi năm 30 triệu đồng.

3.3. Xây dựng hầm bảo quản sản phẩm khi đóng mới tàu dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản có công suất từ 90 CV trở lên, theo công nghệ vật liệu PU (Polyurethane), được hỗ trợ 2 triệu đồng/m<sup>3</sup>, tối đa 30 triệu/tàu.

3.4. Hỗ trợ cơ sở thu mua và chế biến thủy hải sản trên 100 tấn/năm (có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân đảm bảo ổn định từ 02 năm trở lên), có đầu tư xây dựng nhà chế biến, kho lạnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh môi trường, mức hỗ trợ 30 triệu đồng/cơ sở (hỗ trợ một lần khi cơ sở đã đi vào hoạt động).

## **Điều 7. Hỗ trợ các lĩnh vực khác gắn với xây dựng nông thôn mới**

### **1. Về củng cố và phát triển các loại hình tổ chức sản xuất**

1.1. Hợp tác xã thành lập mới (sau 01 năm thành lập và có định hướng hoạt động hiệu quả ổn định, do UBND cấp xã xác nhận) với các lĩnh vực sản xuất: HTX dịch vụ nông nghiệp, chăn nuôi lợn, bò, trồng rau trên cát, nấm, nuôi tôm trên cát, đánh bắt, chế biến hải sản, được hỗ trợ 01 lần với mức 5 triệu đồng/HTX phục vụ công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý, kinh doanh của xã viên HTX, mua sắm một số trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động của HTX.



1.2. Tổ hợp tác thành lập mới (có liên kết sản xuất, kinh doanh với doanh nghiệp) đi vào hoạt động, bước đầu có hiệu quả, được ngân sách hỗ trợ 01 lần với mức 03 triệu đồng/THT. Riêng Tổ hợp tác khai thác thủy sản được hỗ trợ 04 triệu đồng/THT (hỗ trợ khi THT đi vào hoạt động có hiệu quả).

1.3. Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) cho các trang trại sản xuất hàng hoá tập trung được hỗ trợ 2 triệu đồng/trang trại.

## **2. Hỗ trợ xây dựng kênh mương cứng nội đồng**

Hỗ trợ kinh phí cho các địa phương xây dựng mới kênh mương cứng nội đồng theo đúng quy hoạch, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật, được hỗ trợ 50 triệu đồng/km.

## **3. Hỗ trợ công tác thu gom xử lý rác thải:**

3.1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bãi tập kết rác đảm bảo diện tích theo quy hoạch nông thôn mới của các xã, định mức hỗ trợ 10% giá trị Dự toán kỹ thuật của công trình, tổng mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/xã.

3.2. Hỗ trợ mua sắm mới xe chuyên dụng thu gom rác cho các tổ chức thu gom, mức hỗ trợ 1,0 triệu đồng/xe, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 xe/xã.

3.3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở xử lý rác tập trung dung cho địa bàn từng xã và liên 02 xã (mua Lò đốt rác theo công nghệ mới phù hợp với TCVN) hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư mua lò, tổng định mức hỗ trợ không quá 50 triệu/lò/cơ sở; đối với lò phục vụ xử lý rác từ 5 xã trở lên (5 xã sử dụng cùng một lò đốt) được hỗ trợ 200 triệu đồng/lò/cơ sở.

## **Chương 3**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 8. Quy định Hồ sơ thủ tục thanh toán hỗ trợ**

a) Đơn xin hỗ trợ kinh phí của tổ chức, cá nhân, chủ cơ sở có xác nhận của xóm, xã (thị trấn). Đối với trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có trích lục hồ sơ hiện trạng sử dụng đất, bản cam kết bảo vệ môi trường, dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh của chủ cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có xác nhận của xã (thị trấn) và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với kênh mương hồ sơ gồm: Thiết kế dự toán, thẩm định của phòng, ban chuyên môn, Quyết định phê duyệt bản vẽ kỹ thuật dự toán công trình của UBND xã/thị trấn.

Đối với hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải gồm: Đối với xây dựng cơ sở hạ tầng Thiết kế dự toán, thẩm định của phòng, ban chuyên môn, Quyết định phê duyệt bản vẽ kỹ thuật dự toán công trình của UBND xã/thị trấn. Đối với hỗ trợ đầu tư cơ sở xử lý tập trung (mua lò đốt rác) theo công nghệ Nhật Bản) phải có hồ sơ đầy đủ theo quy định.

b) Bảng kê tổng hợp danh sách và Tờ trình của UBND xã, thị trấn về đề nghị hỗ trợ từng khoản kinh phí cho tổ chức, cá nhân, hộ, định mục hỗ trợ cụ thể. Đối với hỗ trợ chăn nuôi liên doanh, liên kết phải có văn bản ký kết hợp đồng, hồ sơ nhận con giống giữa chủ trại và đơn vị liên doanh, liên kết, hồ sơ chứng nhận kiểm dịch; đối với việc mua giống, vật tư, tàu thuyền, máy móc... phải có hợp đồng, hoá đơn nếu có.

c) Biên bản kiểm tra, nghiệm thu giữa UBND huyện, UBND xã, thị trấn và hộ, chủ cơ sở về diện tích, quy mô sản xuất, tàu thuyền, máy móc, xe, chiều dài kênh mương ... và kinh phí đề nghị hỗ trợ.

d) Quyết định của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ.

e) Tổng hợp kết quả thực hiện, quyết toán.

## **Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan**

### **1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện**

a) Hướng dẫn về tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

b) Phối hợp với các phòng, ban: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chính sách.

c) Hàng năm, lập kế hoạch về khối lượng nhiệm vụ cụ thể, dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo hướng lồng ghép các nguồn vốn, gửi phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp.

d) Phối hợp với phòng Tài chính – Kế hoạch và các ngành liên quan thực hiện phân bổ, kiểm tra nguồn kinh phí chính sách hàng năm, đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

e) Tổ chức tuyên truyền và tổng hợp, báo cáo đánh giá chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm.

### **2. Phòng Tài chính – Kế hoạch**

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu bố trí kinh phí thực hiện chính sách từ các nguồn: Vốn chính sách ngành nông nghiệp, sự nghiệp nông nghiệp, vốn lồng ghép chương trình mục tiêu...

b) Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục, thanh quyết toán kinh phí.

c) Hướng dẫn, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn dự trù kinh phí thực hiện chính sách vào dự toán ngân sách cấp xã hàng năm.

d) Trên cơ sở dự toán của phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, khả năng ngân sách huyện tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán thu, chi ngân sách huyện hàng năm.

### **3. Trung tâm UDKH&BVCTVN huyện.**

Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Tài chính bố trí lồng ghép kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ

hàng năm để thực hiện chính sách này. Tuyên truyền sâu rộng chính sách đến người dân và thực hiện tốt một số nội dung chính sách liên quan đến đơn vị mình.

#### **4. Phòng Tài nguyên và Môi trường**

- a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các chính sách về đất đai và xử lý môi trường.
- b) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan và chính quyền cấp xã rà soát hiện trạng sử dụng đất tại các vùng quy hoạch sản xuất tập trung, triển khai tích tụ ruộng đất, tạo đất sách thu hút đầu tư; hướng dẫn, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

#### **5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

- a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện tốt chính sách này.
- b) Chủ động bố trí ngân sách xã đảm bảo mức 20% trên tổng kinh phí thực hiện chính sách hàng năm.
- c) Chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu, ban hành quyết định phê duyệt và báo cáo UBND huyện đối với các nội dung hỗ trợ cho đối tượng trên địa bàn
- d) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm theo đúng quy định.
- e) Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện qua phòng Nông nghiệp và PTNT.

**6. Trách nhiệm của người sản xuất:** Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả.

**7. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện:** tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng để các địa phương, đơn vị, gia đình, cá nhân biết, tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định này.

**8. Các cơ quan liên quan:** Theo chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị, địa phương phản ánh về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**Đặng Văn Tính**